

Bản án số: 306/2019/DS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Bùi V Phương;

Ông N Tấn Tặng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2019/TLPT-DS ngày 21/5/2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322A/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Võ V B, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số nhà 489/7, đường 30/4, Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông B là:** Bà Đặng Thị Kim Tư, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 49, đường Lê V Mỹ, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo V bản ủy quyền ngày 18/4/2019).

- **Bị đơn:** Đào Thị Thanh H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 489/8, Đường 30/4, Tổ 22, Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị H là:* Anh Phan V Bé, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 02, Tổ 01, ấp Tân Phát, xã Tân Tận Đông, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo V bản ủy quyền ngày 06/5/2019).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị M, sinh năm 1947;
2. Võ Hoàng P, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số nhà 489/7, Đường 30/4, Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà M, anh P là:* Bà Đặng Thị Kim Tư, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 49, đường Lê V Mỹ, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo V bản ủy quyền ngày 18/4/2019).

3. Đào V V, sinh năm 1942 (Xin vắng mặt);
4. N Thị T, sinh năm 1952 (Xin vắng mặt);
5. Đào Thị Thanh L, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt);
6. Đào V N, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt);
7. Đào Duy P, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt);
8. Đào Thị Thanh T, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 489/8, Tổ 22, Đường 30/4, Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*- Người kháng cáo:* Ông Võ V B là nguyên đơn, chị Đào Thị Thanh H là bị đơn và bà Lê Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*- Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn ông Võ V B trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp Tộc một phần trong phần đất mà vào năm 1990, ông được cha mẹ là cụ Võ V Pho (chết năm 2001) và cụ Đoàn Thị Nhuận (chết năm 2008) cho khoảng 400m<sup>2</sup>. Ông được cấp quyền sử dụng đất

vào ngày 13/01/1995, Tộc thửa 13, tờ bản đồ số 9, diện tích 328m<sup>2</sup>. Vào ngày 01/4/1997, Ủy ban nhân dân Phường 1 có tiến hành khảo sát, đo đạc và lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới với các hộ giáp ranh. Năm 2004 ông được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 95, tờ bản đồ số 2, diện tích là 328,6m<sup>2</sup>. Năm 2008, Nhà nước T hồi một phần diện tích đất của ông để làm bờ kè, diện tích đất còn lại là 94,3m<sup>2</sup>.

Khoảng 21 giờ ngày 02/6/2017, chị Đào Thị Thanh H là người ở giáp ranh đã để lớp đá 1-2 sang phần đất của ông với phạm vi 1,3m x 2m. Ông đã yêu cầu chị H di dời đá ra khỏi đất nhưng chị H không thực hiện. Đến khoảng 08 giờ ngày 11/6/2017, chị H tiếp tục để các vật dụng sinh hoạt như lu, hủ, khạp... lên phần đất của ông với diện tích lớn hơn. Theo sơ đồ hiện trạng là 3,7m<sup>2</sup>, trong phạm vi các mốc 9-10-F-G-9. Ông đã yêu cầu chị H phải di dời toàn bộ các tài sản, vật dụng nói trên trả lại đất cho ông nhưng chị H không thực hiện.

Vì vậy, ông yêu cầu chị H phải di dời toàn bộ các tài sản, vật dụng của Mnh để trả cho ông 3,7m<sup>2</sup> đất Tộc một phần của thửa 95, tờ bản đồ số 2 nêu trên.

- Bị đơn chị Đào Thị Thanh H trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là một phần trong diện tích 58,63m<sup>2</sup> của bà Trần Thị Chưởng (Là điền chủ trước đây) mà gia đình chị đã sử dụng từ trước năm 1975. Năm 2004 Nhà nước T hồi 20m<sup>2</sup> để xây dựng đê bao chống lũ, còn lại 38,63m<sup>2</sup> chị tiếp tục sử dụng đến nay. Trong đó, có diện tích đất đang tranh chấp 3,7m<sup>2</sup>. Việc này được thể hiện bằng Công V số 72/DA-HC ngày 21/7/2006 của Ban Quản lý dự án thị xã C(Nay là thành phố C).

Trong quá trình sử dụng đất, trước đây phía gia đình chị có cất nhà trên diện tích đất 58,63m<sup>2</sup>. Trong đó, có phần diện tích đất đang tranh chấp. Ông B biết và không có tranh chấp. Tại vị trí diện tích đất tranh chấp là nhà bếp, nhưng sau khi nhà bếp bị hỏng chị đã tháo dỡ và làm nơi để đồ đạc như hiện nay. Phần đất này đến nay chưa được cấp quyền sử dụng nhưng trước đây vào năm 2001, gia đình chị có đi kê khai đăng ký và đóng Thuế đầy đủ.

Vì vậy, chị không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông B. Vì diện tích đất này là Tộc quyền sử dụng của chị nằm trong diện tích đất 38,63m<sup>2</sup> còn lại sau khi bị Nhà nước T hồi và Tộc thửa 96, tờ bản đồ số 2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị M và Võ Hoàng P trình bày:

Bà M và anh P thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông B, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ V B.

- Bộc chi Đào Thị Thanh H phải trả cho ông Võ V B diện tích đất 3,7m<sup>2</sup>, Tộc thửa 95, tờ bản đồ 2, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, đất ông Võ V B đứng tên quyền sử dụng; diện tích đất trong phạm vi các mốc 9-10-F-G-9 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 10/7/2018 của Chi nhánh V phòng đăng ký đất đai thành phố C, đồng thời chi H phải có nghĩa vụ di dời các tài sản, vật dụng có trên đất như: đá xây dựng, kệ, hủ, khạp (còn tồn tại hoặc phát sinh tại thời điểm thi hành án)... ra khỏi phần đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

+ Ngày 12/4/2019 ông Võ V B và bà Lê Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết Bộc bà Đào Thị Thanh H trả cho hộ của ông bà 3,7m<sup>2</sup> đất Tộc thửa 95, tờ bản đồ số 2, tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Tuyên cho hộ của ông bà được đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Ngày 08/4/2019 chi Đào Thị Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Ngày 12/4/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa bản án sơ thẩm theo hướng Bộc bà Đào Thị Thanh H trả cho hộ của ông B 3,7m<sup>2</sup> đất Tộc thửa 95, tờ bản đồ số 2, tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Tuyên cho hộ của ông B

được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B, bà M và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của Mn. Các đương sự không thỏa Tận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H; chấp nhận kháng cáo của ông B, bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Bộc chị Đào Thị H phải trả cho hộ ông Võ V B diện tích đất 3,7m<sup>2</sup> và tuyên hộ ông Võ V B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Võ V B là cụ Võ V Pho và cụ Đoàn Thị Nhuận cho ông B diện tích khoảng 400m<sup>2</sup> vào năm 1990. Đến năm 1995 ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tộc thửa 13, tờ bản đồ số 9, diện tích là 328m<sup>2</sup> tại Phường 1, thị xã C(Nay là thành phố C). Năm 2004 hộ ông B được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 95, tờ bản đồ số 2, diện tích đất là 328,6m<sup>2</sup>. Năm 2008, Nhà nước T hồi một phần diện tích đất của ông B để xây dựng đê bao chống lũ, diện tích đất còn lại là 94,3m<sup>2</sup>. Ngày 01/10/2014 hộ ông B được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn Tộc thửa 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 94,3m<sup>2</sup> trong đó có thể hiện sơ đồ của thửa đất. Căn cứ vào sơ đồ của thửa đất 95 này trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Trích lục bản đồ địa chính ngày 25/9/2014 thì thửa đất có diện tích, hình thể và vị trí phù hợp với hiện trạng phần đất của ông B đang sử dụng bao gồm cả diện tích đất tranh chấp theo Bản đồ đo đạc

hiện trạng đất tranh chấp giữa ông Võ V B với bà Đào Thị Thanh H ngày 10/7/2018 của Chi nhánh V phòng đăng ký đất đai thành phố C. Cụ thể cạnh chiều dài của thửa đất giáp với đường đal - sông C theo sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 18,21m, còn cạnh chiều dài này theo Bản đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa ông Võ V B với bà Đào Thị Thanh H ngày 10/7/2018 là 18,38m là tương đối chính xác và trùng khớp. Do đó, đã có đủ căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp là Tộc quyền sử dụng của hộ ông B. Vì vậy, ông B yêu cầu chị H trả lại đất là có căn cứ.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/01/1995, 28/9/2004 và 01/10/2014 thì Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông Võ V B. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ tuyên Bộc chị Đào Thị Thanh H phải trả cho ông Võ V B diện tích đất 3,7m<sup>2</sup>, Tộc thửa 95, tờ bản đồ 2, tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C mà không tuyên trả cho hộ của ông B, cũng như không tuyên cho hộ ông B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là thiếu sót.

Do đó, kháng cáo của ông B, bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Clà có căn cứ và phù hợp pháp luật được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị Kim Tư đại diện cho ông Võ V B, bà Lê Thị M và anh Võ Hoàng P thống nhất xác định hộ ông Võ V B được quyền sử dụng đất gồm có 02 thành viên là ông Võ V B và bà Lê Thị M. Còn anh P là con của ông B và bà M nhưng đồng ý không đứng tên trong hộ sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử chấp nhận hộ ông Võ V B gồm thành viên trong hộ là bà Lê Thị M.

[4] Chị Đào Thị Thanh H cho rằng nguồn gốc diện tích đất 3,7m<sup>2</sup> là một phần trong diện tích 58,63m<sup>2</sup> của bà Trần Thị Chăng (Là điền chủ trước đây) mà gia đình chị đã sử dụng từ trước năm 1975. Năm 2004 Nhà nước T hồi 20m<sup>2</sup> để xây dựng đê bao chống lũ. Còn lại 38,63m<sup>2</sup> trong đó có 3,7m<sup>2</sup> đất tranh chấp là không có căn cứ. Bởi vì, chị không có chứng cứ gì để chứng minh nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Trần Thị Chăng và nằm trong phần diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước T hồi một phần.

[5] Ngoài ra, chị còn cho rằng diện tích đất 3,7m<sup>2</sup> là một phần trong diện tích 38,63m<sup>2</sup>. Việc này được thể hiện tại Công V số 72/DA-HC ngày 21/7/2006 của Ban Quản lý dự án thị xã C(Nay là thành phố C). Xét Công V số 72/DA-HC ngày 21/7/2006 của Ban Quản lý dự án thị xã C thì đây là công V “Về việc trả lời đơn khiếu nại về bồi thường do giải tỏa tuyến đê bao”. Theo nội dung của Công V nêu thì bà Đào Thị Thanh H (được ông Đào V V ủy quyền) khiếu nại cho gia đình được tiếp tục sử dụng diện tích 38,63m<sup>2</sup> đất và tại mục 3 của công V có ghi:

**“ 3/- Giải quyết đơn:**

- Đề nghị cho gia đình tiếp tục sử dụng 38,63m<sup>2</sup>, do không có nhu cầu giải tỏa trắng;

*Sau khi kiểm tra thực tế tổng diện tích gia đình quản lý 58,63m<sup>2</sup> là trùng quy hoạch xây dựng đê bao (hộ phải giải tỏa trắng) do đó không thể giải quyết theo yêu cầu của bà H (là người được ông V ủy quyền)*

*Tóm lại: Việc bồi thường đúng theo quyết định giải quyết đơn của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và thực hiện chính sách tái định cư theo quy định, nền số 19 trục đường 3,5m tái định cư Mỹ Trà 3.*

*Tổng số tiền bồi thường bổ sung: 2.608.900đ (lần thứ 1) + 6.430.504đ (lần thứ 2) = 9.039.404đ tròn số (Chín triệu, không trăm ba mươi chín ngàn đồng chẵn);”*

Như vậy, diện tích đất 58,63m<sup>2</sup> của gia đình chị đã bị Nhà nước giải tỏa trắng và đã bồi thường đúng quy định. Đồng thời cũng đã thực hiện chính sách tái định cư. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp 3,7m<sup>2</sup> là Tộc quyền sử dụng của chị H nên việc chị H kháng cáo không đồng ý trả lại đất cho ông B là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H; chấp nhận kháng cáo của ông B, bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Bộc chị Đào Thị Thanh H phải trả cho hộ ông Võ V B diện tích đất 3,7m<sup>2</sup> và tuyên hộ ông Võ V B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H; chấp nhận kháng cáo của ông B, bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Thanh H, nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Võ V B và bà Lê Thị M.
2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Thanh H.
3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.
4. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ V B.
6. Bộc chị Đào Thị Thanh H phải giao trả cho hộ ông Võ V B (Thành viên trong hộ gồm bà Lê Thị M) diện tích đất 3,7m<sup>2</sup>, Tộc thửa 95, tờ bản đồ 2, tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc 9-10-F-G-9.
7. Bộc chị Đào Thị Thanh H phải di dời toàn bộ các tài sản (Nếu có) ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho hộ ông Võ V B theo quy định của pháp luật.



8. Giao cho hộ ông Võ V B (Thành viên trong hộ gồm bà Lê Thị M) được quyền sử dụng diện tích đất 3,7m<sup>2</sup>, Tộc thửa 95, tờ bản đồ 2, tại Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc 9-10-F-G-9.

(Kèm theo Bản đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa ông Võ V B với bà Đào Thị Thanh H ngày 10/7/2018 của Chi nhánh V phòng Đăng ký Đất đai thành phố C).

Hộ ông Võ V B (Thành viên trong hộ gồm bà Lê Thị M) được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Đào Thị Thanh H phải chịu 5.829.000đ. Do ông Võ V B đã tạm ứng nên chị H phải trả lại cho ông B 5.829.000đ.

10. Về án phí:

+ Ông Võ V B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008709 ngày 12/4/2019 và 600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai số 00238 ngày 29/9/2017 và biên lai số 0002029 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

+ Bà Lê Thị M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008710 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

+ Chị Đào Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005448 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Số còn lại chị H phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi Nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Tp C;
- CCTHADS Tp C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ Danh Đạt**